

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/DS-ST  
Ngày: 18/10/2018  
V/v tranh chấp dân sự, vay  
tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng;
2. Bà Ngô Thị Lệ Thi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2018/TLST - DS ngày 23 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Mỹ D, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Tổ 7, ấp Mỹ T, xã Vĩnh C, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh X, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Số 254, tổ 15, khóm 8, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ D trình bày:*

Chị D và chị X là bạn nên ngày 21/11/2017 (07/01/2018 dương lịch), chị X hỏi vay chị D số tiền 50.000.000 đồng, cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 07/01/2018, chị X vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 100.000 đồng/ngày, lãi suất 30%/tháng, nhận đủ 10.000.000 đồng;

- Ngày 11/01/2018, chị X vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 100.000 đồng/ngày, lãi suất 30%/tháng, khi nhận tiền vay chị X và chị D thỏa thuận trừ lại 400.000 đồng tiền lãi (số tiền vay 10.000.000 đồng ngày 07/01/2018), thực tế chị X nhận số tiền 9.600.000 đồng.

- Ngày 13/01/2018, chị X vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 100.000 đồng/ngày, lãi suất 30%/tháng nhưng khi nhận tiền vay chị X và chị D thỏa thuận trừ lại 400.000 đồng tiền lãi (số tiền vay 10.000.000 đồng ngày 07/01/2018, ngày 11/01/2018), thực tế chị X nhận 9.600.000 đồng.

- Ngày 15/01/2018, chị X vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 100.000 đồng/ngày, lãi suất 30%/tháng. Khi nhận tiền vay chị X và chị D thỏa thuận trừ lại 600.000 đồng tiền lãi (số tiền vay 10.000.000 đồng ngày 07/01/2018, ngày 11/01/2018, ngày 13/01/2018), thực tế chị X nhận 9.400.000 đồng.

- Ngày 17/01/2018, chị Xuân vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 100.000 đồng/ngày, lãi suất 30%/tháng. Khi nhận tiền vay, chị X và chị D thỏa thuận trừ lại 800.000 đồng tiền lãi (số tiền vay 10.000.000 đồng ngày 07/01/2018, ngày 11/01/2018, ngày 13/01/2018, ngày 15/01/2018), thực tế chị X nhận 9.200.000 đồng.

Từ ngày 07/01/2018 đến ngày 17/01/2018, chị X đã nhận số tiền vay của chị D 47.800.000 đồng. Thời điểm chị X nhận số tiền vay của chị D, không viết biên nhận nợ. Kể từ ngày 17/01/2018 cho đến nay chị X không trả vốn gốc và lãi suất theo thỏa thuận. Đến ngày 11/3/2018 (ngày 26/4/2018 dương lịch), chị Xuân đồng ý cam kết có vay của chị D số tiền 50.000.000 đồng, hạn 03 tháng (ngày 11/6/2018) sẽ trả vốn gốc 50.000.000 đồng cho chị D nhưng chị X không thực hiện theo cam kết. Đến ngày 30/7/2018, Ban nhóm 8 tiến hành hòa giải, chị D và chị X thống nhất: X còn nợ chị D 50.000.000 đồng, chị X yêu cầu trả 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ nhưng chị D không đồng ý, yêu cầu trả một lần dứt điểm.

Chị Bùi Thị Mỹ D yêu cầu chị Nguyễn Thanh X trả số tiền vay thực tế đã nhận của chị D (từ ngày 07/01/2018 đến ngày 17/01/2018) 47.800.000 (Bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn) đồng, dứt điểm một lần, không yêu cầu tính lãi suất cho đến khi trả dứt nợ.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình: Giấy cam kết ngày 11/3/2018 (bản chính); Biên bản hòa giải của nhóm 8, phường Châu Ph thành phố Châu Đốc (bản đối chiếu).

*Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thanh X trình bày:*

Thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thời gian vay, số lần nhận tiền vay, vốn vay. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ số tiền vay (ngày

17/01/2018), chị X có đóng tiền lãi cho chị D số tiền 45.000.000 đồng (từ ngày 17/01/2018 đến ngày 17/04/2018, 15.000.000 đồng/tháng) nhưng không có chứng cứ chứng minh, khi trả tiền lãi cho chị D, chỉ có chị D và chị X biết, không có người chứng kiến.

Đến ngày 11/3/2018 (ngày 26/4/2018 dương lịch), chị Xuân đồng ý cam kết có vay của chị D số tiền 50.000.000 đồng, hạn 03 tháng (ngày 11/6/2018) sẽ trả vốn gốc 50.000.000 đồng cho chị D nhưng chị X chưa thực hiện theo cam kết. Đến ngày 30/7/2018, Ban nhóm 8 tiến hành hòa giải, chị X và D thống nhất: Chị X còn nợ chị D 50.000.000 đồng, chị X yêu cầu trả 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ nhưng D không đồng ý, yêu cầu chị X trả một lần dứt điểm.

Chị X thừa nhận còn nợ chị D số tiền thực tế đã nhận (từ ngày 07/01/2018 đến ngày 17/01/2018) 47.800.000 (Bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn) đồng. Chị X không yêu cầu điều chỉnh lãi do không có chứng cứ chứng minh về số tiền lãi đã trả cho chị D. Chị X yêu cầu được trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ, không yêu cầu tính lãi suất.

Tòa án đã mở phiên hòa giải do các đương sự không thống nhất phương thức thanh toán nên hòa giải không thành.

\* Tại phiên tòa,

- Ý kiến của nguyên đơn:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài ra, nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung.

- Ý kiến của bị đơn:

Vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài ra, nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung. Không yêu cầu điều chỉnh lãi suất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

*Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bị đơn chị Nguyễn Thanh X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Châu Ph, thành phố Châu Đốc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án giải quyết không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự nên không có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

*[2] Về nội dung:*

Hợp đồng vay tiền giữa chị Bùi Thị Mỹ D và chị Nguyễn Thanh X được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

*[3 Về khoản nợ vay:*

Nguyên đơn chị D khởi kiện yêu cầu bị đơn chị X có trách nhiệm trả vốn vay 47.800.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 30/7/2018 của Ban nhóm 8, phường Châu Ph, Torr cam kết ngày 11/31/2018 (ngày 26/4/2018 dương lịch) chị X xác nhận còn nợ chị D 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, biên bản hòa giải 18/9/2018 tại Torr án cũng như lời khai tại phiên tòa, chị X và chị D xác nhận số tiền thực tế chị X đã nhận (từ ngày 07/01/2018 đến ngày 17/01/2018) là 47.800.000 (Bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn) đồng. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị X không có khả năng thanh toán vốn vay khi đến hạn. Xét, chị D và chị X tự nguyện thỏa thuận với nhau về vốn vay, sự thỏa thuận này không trái quy định pháp luật, đạo đức xã hội và có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận vốn vay 47.800.000 đồng.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”.

Đối chiếu với quy định nêu trên thấy rằng giữa chị D và chị X có thỏa thuận giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản là tiền. Theo đó, chị D đã giao số tiền vốn vay cho chị X là 47.800.000 đồng, khi cho vay các bên đương sự không thỏa thuận thời hạn trả nợ vay nhưng đến ngày 11/31/2018 (ngày 26/4/2018 dương lịch) các bên tự nguyện thỏa thuận thời hạn trả nợ vay 03 (ba) tháng, đến nay chị X chưa trả vốn vay theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả vốn vay khi đến hạn. Xét, buộc chị X có trách nhiệm trả cho chị D số tiền 47.800.000 đồng như theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về phương thức thanh toán bị đơn xin được trả dần 1.000.000 đồng/tháng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Do đó, phương thức thanh toán sẽ được tiếp tục xem xét ở giai đoạn thi hành án.

*[4] Về tiền lãi đã trả:*

Chị X cho rằng sau khi nhận đủ số tiền vay (ngày 17/01/2018), chị X có đóng tiền lãi cho chị D số tiền 45.000.000 đồng (từ ngày 17/01/2018 đến ngày 17/04/2018, 15.000.000 đồng/tháng) nhưng không có chứng cứ chứng minh, khi trả tiền lãi cho chị D, chỉ có chị D và chị X biết, không có người chứng kiến. Đồng thời, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị X không yêu cầu Torr án xem xét đối với khoản tiền lãi đã trả. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tiền lãi đã trả.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị X có trách nhiệm trả nợ 47.800.000 đồng nên phải chịu án phí là 2.390.000 đồng (47.800.000 đồng x 5%) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Bùi Thị Mỹ D được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông Thanh số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Mỹ D.

Buộc chị Nguyễn Thanh X có trách nhiệm trả cho chị Bùi Thị Mỹ D số tiền 47.800.000 (Bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thanh X phải chịu 2.390.000 (Hai triệu, ba trăm chín mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Bùi Thị Mỹ D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị Dung số tiền 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007500 ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kiều Nga**